TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 50

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 5 trong số 8 569 982 là:

A. 5 **B.** 50 000 **C.** 500 000 **D.** 5 000 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 937 479, 973 479, 937 579, 972 479 là:

A. 972 479 **B.** 937 579 **C.** 937 479 **D.** 973 479

Câu 3. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 718 736 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 1 000 000 **B.** 720 000 **C.** 700 000 **D.** 800 000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số 8 630 695 đọc là:

A. tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm chín mươi lăm

B. tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn bảy trăm linh năm

C. tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm chín mươi sáu

D. tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn sáu trăm chín mươi lăm

Câu 5. *(0,5 điểm)* Kho thứ nhất có 1226 kg thóc, kho thứ hai có gấp 2 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 413 kg. Cả ba kho có:

A. 2039 kg **B.** 5717 kg **C.** 3678 kg **D.** 6543 kg

Câu 6. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 3862, số lớn hơn số bé 708 đơn vị. Số bé là:

A. 708 **B.** 1931 **C.** 2285 **D.** 1577

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1091 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ X **B.** thế kỉ XII **C.** thế kỉ XI **D.** thế kỉ IX

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc có số đo 135° là:

A. góc nhọn **B.** góc tù **C.** góc vuông **D.** góc bẹt

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 triệu, 6 chục nghìn, 5 trăm và 5 đơn vị viết là: ……

b) Số «bảy triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi chín» viết là: ……

c) Làm tròn số 5 033 240 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Cho dãy số: 8, 13, 18, 23, ……, 283. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 24 của dãy là: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 8732 + 800 + 200 = …….

b) 3132 + 1859 − 132 = …….

c) 111 + 6657 + 89 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 tấn 50 kg ……. 7050 kg

b) 3 m^2 50 dm^2 ……. 350 dm^2

c) 2 thế kỉ ……. 190 năm

d) 7 612 218 ……. 7 602 218

Câu 13. *(1 điểm)* Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 34 cm, chiều rộng 7 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: …….

b) Số cặp cạnh vuông góc: …….

c) Diện tích hình chữ nhật: ……. cm^2

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1959 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 524 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 50

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	C	A	B	D	C	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 9 060 505

b) 7 955 649

c) Chữ số hàng chục nghìn là 3 nên được 5 000 000

Câu 10.

a) (283 − 8) : 5 + 1 = 56 (số)

b) 8 + (24 − 1) × 5 = 123

Câu 11.

a) 8732 + (800 + 200) = 8732 + 1 000 = 9732

b) (3132 − 132) + 1859 = 3000 + 1859 = 4859

c) (111 + 89) + 6657 = 200 + 6657 = 6857

Câu 12.

a) 7050 = 7050

b) 350 = 350

c) 200 > 190

d) 7 612 218 > 7 602 218

Câu 13.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 34 × 7 = 238 (cm²)

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1959 × 2 = 3918 (kg)

Ngày thứ ba: 3918 − 524 = 3394 (kg)

Cả ba ngày: 1959 + 3918 + 3394 = 9271 (kg)